TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **33**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10/12/2024
V/v tranh chấp về ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2024/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp về ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị T**, sinh năm 2000; Địa chỉ: xóm C, xã C, huyện Q, tỉnh N.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Bình A**, sinh năm 1999; Địa chỉ: khu T, xã B, huyện P, tỉnh P.

(Chị T, anh A có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Võ Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt tuy nhiên theo đơn khởi kiện và bản lời khai gửi Toà án chị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Bình A kết hôn ngày 25/3/2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P, tỉnh P trên cơ sở tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị và anh A đã sống ly thân từ đó. Chị chuyển về ở cùng bố mẹ đẻ ở xóm C, xã C, huyện Q, tỉnh N. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh A.

- Về con chung: Chị xác định chị và anh A có 01 con chung là Hoàng Gia

L, sinh ngày 12/10/2019. Hiện nay cháu L đang ở cùng với anh A. Khi ly hôn quan điểm của chị để cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng cháu L cho đến khi con chung trưởng thành lao động tự túc được.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh A do anh A không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do điều kiện công việc và sức khoẻ của chị yếu nên chị không thể có mặt trong quá trình Toà án nhân dân huyện P giải quyết vụ án được. Chị đề nghị Toà án nhân dân huyện P không tiến hành hoà giải vụ án và tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt chị tại tất cả các buổi làm việc và tất cả các buổi xét xử vụ án giữa chị và anh A.

** Bị đơn anh Hoàng Bình A có quan điểm trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với quan điểm của chị T đã trình bày về thời gian kết hôn, nơi kết hôn, quá trình chung sống cũng như mâu thuẫn của vợ chồng. Nay chị T làm đơn xin ly hôn với anh, quan điểm của anh đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh xác định anh và chị T có 01 con chung là Hoàng Gia L, sinh ngày 12/10/2019. Hiện nay cháu L đang ở cùng với anh. Khi ly hôn quan điểm của anh xin được nuôi con chung và không đề nghị chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu của mình đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh P nên Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Võ Thị T có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án. Vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự. Nguyên đơn chị Võ Thị T và bị đơn anh Hoàng Bình A đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị T và anh A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành xác minh thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp phải có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa được quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Thị T và anh Hoàng Bình A kết hôn ngày 25/3/2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P, tỉnh P trên cơ sở tự do tìm hiểu lấy nhau hoàn toàn tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng hôn nhân không có hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Từ tháng 02 năm 2021 chị đã chuyển về ở cùng bố mẹ đẻ ở xóm C, xã C, huyện Q, tỉnh N. Vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đó cho đến nay và không còn quan hệ về mặt tình cảm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A. Anh A có quan điểm trình bày nhất trí với quan điểm của chị T đã trình bày về thời gian kết hôn, nơi kết hôn, quá trình chung sống cũng như mâu thuẫn của vợ chồng. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh đồng ý ly hôn với chị T.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh A là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc phù hợp với quy định của pháp luật vì vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn cho anh chị là phù hợp theo quy định của điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung:

Chị Võ Thị T và anh Hoàng Bình A đều thống nhất xác định có 01 con chung là Hoàng Gia L, sinh ngày 12/10/2019. Hiện nay cháu L đang ở cùng với anh A. Quá trình giải quyết vụ án chị T có quan điểm để cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng cháu L cho đến khi con chung trưởng thành lao động tự túc được. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh A do anh A không yêu cầu. Anh Hoàng Bình A cũng có quan điểm xin được nuôi con chung và không đề nghị chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc nguyên đơn chị T có quan điểm để cho bị đơn anh A được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Hoàng Gia L, sinh ngày 12/10/2019 là hoàn toàn tự nguyện không trái quy định của pháp luật. Mặt khác, anh A cũng có quan điểm xin được nuôi dưỡng con chung vì hiện nay con chung đang ở cùng với anh. Do vậy, để đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc, học tập không làm ảnh hưởng, xáo trộn điều kiện sống của cháu L là con chung của chị T, anh A nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao con chung cháu Hoàng Gia L, sinh ngày 12/10/2019 cho anh

A tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh A do anh A tự nguyện không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Trong quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai chị Võ Thị T và anh Hoàng Bình A đều có quan điểm không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị Võ Thị T và anh Hoàng Bình A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Trà .

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị T và anh Hoàng Bình A.

2. Về con chung: Giao cho anh Hoàng Bình A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Hoàng Gia L, sinh ngày 12/10/2019 cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Võ Thị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh A do anh A tự nguyện không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chưa giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị T và anh Hoàng Bình A mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Xác nhận chị T đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001360 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P. Trả lại cho chị T số tiền 225.000đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền hoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện P, tỉnh P;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã B;
- Lưu VP, HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Việt Hưng